

**BỘ XÂY DỰNG**  
**Số: 06/2008/TT-BXD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2008**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị**

-----

*Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Quyết định số 06/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ.*

*Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng các dịch vụ công ích đô thị và khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thực hiện các dịch vụ công ích đô thị, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị như sau:*

**I- QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

1.1. Việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị được áp dụng cho các công tác dịch vụ sau:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải;
- Nạo vét duy trì hệ thống thoát nước;
- Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh.

1.2. Một số dịch vụ công ích đô thị như: Chế biến xử lý chất thải không qua chôn lấp, quản lý nghĩa trang, quản lý công viên, vườn thú và một số công tác dịch vụ công ích đô thị khác thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ nội dung hướng dẫn của Thông tư này quy định áp dụng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

1.3. Mọi tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công ích đô thị nêu trên đều phải tuân thủ quy định trong Thông tư này.

**2. Các nguyên tắc chung quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị**

2.1. Chi phí dịch vụ công ích đô thị được lập theo hướng dẫn của Thông tư này là chi phí để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và là cơ sở để thương thảo, xem xét, quyết định giá dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.

2.2. Việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị phải bảo đảm tính đúng, tính đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu khách quan của cơ chế thị trường.

## II- DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức. Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Đơn giá} & & & & \\ & & \text{của từng} & & & & \\ \text{Dự toán chi phí} & \text{Khối lượng} & & & \text{Chi phí} & & \\ \text{dịch vụ công ích} & \text{của từng} & \text{loại công} & & \text{quản lý} & & \\ \text{đô thị} & \text{loại công tác} & \text{tác dịch vụ} & \text{)+} & \text{chung} & \text{+} & \text{Lợi nhuận} \\ & \text{dịch vụ công} & \text{công ích} & & & & \text{định mức} \\ & \text{ích đô thị} & \text{đô thị} & & & & \end{array}$$

### 1. Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị

Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị được xác định theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ đột xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

### 2. Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị

Đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị bao gồm các thành phần chi phí về vật liệu, nhân công, sử dụng xe máy và thiết bị (gọi là chi phí trực tiếp). Chi phí trực tiếp được xác định cụ thể như sau:

2.1. Chi phí vật liệu là chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích đô thị. Chi phí vật liệu được xác định theo công thức:

$$\text{Chi phí vật liệu} = \text{Định mức hao phí từng loại vật liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị} \times \text{Giá của từng loại vật liệu tương ứng}$$

Giá vật liệu phải hợp lý và phù hợp với mặt bằng giá thị trường, xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho các công tác khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng hoặc giá do địa phương công bố và phải đảm bảo tính cạnh tranh (giá vật liệu cấu thành trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2.2. Chi phí nhân công là toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị và được xác định như sau:

|                       |                                                                                                                       |   |                                                         |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------|
| Chi phí nhân công = ả | Định mức hao phí ngày công cấp bậc của công nhân để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị | x | Giá nhân công ngày công cấp bậc của công nhân tương ứng |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------|

Giá nhân công ngày công cấp bậc của công nhân tương ứng được tính đúng, tính đủ tiền lương, các khoản lương phụ và phụ cấp lương (kể cả các khoản hỗ trợ lương). Giá nhân công được xác định trên cơ sở mức tiền lương tối thiểu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định để đảm bảo tiền lương của người lao động có tính đến mặt bằng giá của thị trường lao động phổ biến của từng khu vực theo từng loại thợ và điều kiện lao động cụ thể, khả năng nguồn vốn và khả năng chi trả của địa phương.

2.3. Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị là chi phí sử dụng xe máy và thiết bị trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị:

|                                      |                                                                                                                                              |   |                                     |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|
|                                      | Định mức hao phí ca xe máy và thiết bị của từng loại xe máy và thiết bị để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị | x | Giá ca xe máy và thiết bị tương ứng |
| Chi phí sử dụng xe ả máy và thiết bị |                                                                                                                                              |   |                                     |

Giá ca xe máy và thiết bị tương ứng được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình hoặc từ bảng giá ca xe máy và thiết bị do địa phương quy định.

3. Chi phí quản lý chung là chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí phục vụ trực tiếp quản lý chung (bao gồm cả công cụ lao động), chi phí phục vụ công nhân, chi trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, chi phí tiền ăn giữa ca, các khoản phí, lệ phí, chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng nhà xưởng (nếu có), chi phí thuê kiểm toán và các khoản chi phí khác.

Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét quyết định với tỷ lệ không quá 70% trên chi phí nhân công trực tiếp và được xác định tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương và từng loại công tác dịch vụ công ích đô thị; Đối với khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng máy và thiết bị > 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính tỷ lệ không quá 5% chi phí sử dụng xe máy và thiết bị.

Trường hợp có đặc thù riêng, tỷ lệ chi phí quản lý chung vượt quá tỷ lệ trên thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định.

4. Lợi nhuận định mức được tính tỷ lệ không quá 5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong giá dự toán thực hiện dịch vụ công ích.

### III. HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ

1. Hợp đồng dịch vụ công ích đô thị là hợp đồng dân sự (sau đây gọi tắt là hợp đồng), việc thực hiện dịch vụ công ích đô thị thông qua hợp đồng giữa cơ quan quản lý của địa phương với các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công ích